TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Kho

Ông Nguyễn Sĩ Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33a/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị P, sinh năm 1985. Nơi đăng ký HKTT: Khu T, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Đội 8, thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn Thanh L, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Số nhà 25 khu T, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 13 tháng 6 năm 2019 và bản khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Bùi Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Hoàng Văn Thanh L tại UBND thị trấn N, huyện K, thành phố Hải phòng ngày 21/11/2003 (Giấy chứng nhận kết hôn số 21). Cuối năm 2013 anh chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh L nghiện ma túy, mang tài sản của gia đình đi bán, kinh tế bị xa sút, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, nên chị phải mang con bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng từ tháng 6 năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh L.

Về con chung: Anh chị có hai con là Hoàng Tuấn A, sinh ngày 29/8/2005; Hoàng Minh K, sinh ngày 02/6/2014; cháu Anh đang do anh L nuôi dưỡng; cháu Khôi đang do chị nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu K; đồng ý để anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hoàng Văn Thanh L vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có bản khai và trình bày tại phiên hòa giải phù hợp với lời khai của chị P về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 5 năm 2019, do bất đồng quan điểm sống, lỗi chủ yếu do anh gây nên, từ đó chị Phượng không quan tâm đến anh, nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ ở, gần đây nhất từ tháng 6 năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau. Mặc dù có mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị Phượng, anh xin đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có 02 con như chị P đã trình bày. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Tuấn A; đồng ý để chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh K đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị P giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Sự vắng mặt của bị đơn nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Phượng; cho chị Bùi Thị P được ly hôn anh Hoàng Văn Thanh L.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Tuấn A, sinh ngày 29/8/2005 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Hoàng Minh K, sinh ngày 02/6/2014 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh L là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị P xin ly hôn, anh Luân xin đoàn tụ. Qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền thị trấn N cung cấp thì hôn nhân của chị Bùi Thị P và anh Hoàng Văn Thanh L là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2013 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh L nghiện ma túy nhiều năm nay, kinh tế gia đình xa sút, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị P đã phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở rất nhiều lần, gần đây nhất từ tháng 6 năm 2019 đến nay không

quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống gia đình. Vì vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị P có cơ sở chấp nhận, nên xử cho chị Phượng được ly hôn anh L là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có hai con chung là Hoàng Tuấn A, sinh ngày 29/8/2005; Hoàng Minh K, sinh ngày 02/6/2014; cháu A đang do anh L nuôi dưỡng; cháu K đang do chị P nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh chị đều thống nhất giao cháu A cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu K cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của các bên đương sự và trên cơ sở cung cấp thông tin của chính quyền thị trấn N thì chị P làm nghề công nhân, anh L làm nghề thợ xây, thu nhập trung bình 5.000.000 đồng/1 tháng, cả hai bên đều có chỗ ở ổn định, cùng với sự giúp đỡ của các thành viên trong gia đình, đảm bảo cuộc sống cho các cháu được học tập đầy đủ; mặt khác nguyện vọng của cháu A được ở với anh L. Do đó cần giao cháu A cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu K cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung (theo biên bản hòa giải ngày 18 tháng 9 năm 2019). Xét sự thỏa thuận đó là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; được công nhận.

[5] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị P được ly hôn anh Hoàng Văn Thanh L.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Bùi Thị P và anh Hoàng Văn Thanh L; giao cháu Hoàng Tuấn A, sinh ngày 29/8/2005 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Hoàng Minh K, sinh ngày 02/6/2014 cho chị P trực tiếp

nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị P, anh L đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012323 ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị P đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND thị trấn N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dịu